

Bản án số: **42/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 11-9-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Nguyễn Thanh Xuyên

2. Ông Nguyễn Hữu Cương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2019/TLST-HNGĐ ngày 22-8-2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị C**, sinh năm 1974 (*có mặt*)

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 0335.....

2. *Bị đơn:* Ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1975 (*có mặt*)

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 03683.....

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22/8/2019, biên bản hòa giải ngày 30/8/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Ngô Thị C trình bày:*

Bà và ông Đặng Văn T chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống thật sự hạnh phúc được hơn 10 năm thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được nên đã ly thân nhau từ năm 2012 đến nay.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 đứa con chung tên Đặng Thị Kiều Mỹ D, sinh ngày 14/8/1994 hiện đã trên 18 tuổi và có chồng sống riêng.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

*Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Đặng Văn T;
2. Về quan hệ con chung: Hiện con đã lớn, trưởng thành và có chồng sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai ngày 22/8/2019, biên bản hòa giải ngày 30/8/2019 và trong quá trình xét xử bị đơn ông Đặng Văn T trình bày:*

Về thời gian ông và bà Ngô Thị C chung sống với nhau năm 1993 đến nay không đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân; vợ chồng có 01 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh C con; về tài sản chung C vợ chồng; về nợ chung là đúng như ý kiến C bà C trình bày nêu trên ông không trình bày gì thêm.

*Nay theo yêu cầu C bà C, ông có ý kiến như sau:*

1. Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với bà Ngô Thị C;
2. Về quan hệ con chung: Hiện con đã lớn, trưởng thành và có chồng sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại phiên tòa:** Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

**NHẬN ĐỊNH C TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị C và ông Đặng Văn T chung sống với nhau từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (UBND xã). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn C Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực ngày 01-01-2001), các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có nhiều văn bản quy định, hướng dẫn việc đăng ký kết hôn đối với những trường hợp như ông, bà trong thời gian hai năm (*từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003*) nhưng ông, bà vẫn không thực hiện. Cho đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực ngày 01-01-2015) và thực tế từ khi có đơn yêu cầu xin ly hôn của bà C và cho đến nay ông, bà vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định C pháp luật. Do đó, nay bà C có yêu cầu ly hôn, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, giữa bà Ngô Thị C và ông Đặng Văn T đã cùng nhau thống nhất xác định, vợ chồng có 01 đứa con chung tên Đặng Thị Kiều Mỹ D, sinh ngày 14/8/1994 hiện đã trên 18 tuổi và có chồng sống riêng, không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[3] Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Giữa nguyên đơn bà Ngô Thị C và ông Đặng Văn T cùng thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Ngô Thị C có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

#### ***Tuyên xử:***

1 - Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị C và ông Đặng Văn T.

2 - Về nuôi con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Không xem xét.

3 - Về án phí: Bà Ngô Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp

là 300.000 đồng theo biên lai số 0007458 ngày 22 tháng 8 năm 2019 C Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; bà C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 11/9/2019).

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Mỹ Linh**